**Bích Huyền**

Đường ra Vĩnh Phú

Chào mừng các bạn đón đọc đầu sách từ dự án sách cho thiết bị di động

*Nguồn:* [*http://vnthuquan.net/*](http://vnthuquan.net/)
Tạo ebook: Nguyễn Kim Vỹ.

**MỤC LỤC**

[Đường ra Vĩnh Phú](%22%20%5Cl%20%22bm2)

**Bích Huyền**

Đường ra Vĩnh Phú

Ngồi trong toa của con tàu Thống Nhất, tôi vẫn chưa hoàn hồn. Tay khư khư ôm chặt chiếc túi xách trong lòng, tôi nhìn theo Diễm đang cố len lỏi tìm lối ra giữa những người đang đứng lố nhố tranh giành nhau xếp đồ đạc. Gần ra tới cửa, Diễm còn ngoảnh lại nhìn tôi, đôi mắt đỏ hoe. Tôi cũng khóc. Nước mắt tôi làm nhòa đi hình ảnh Diễm trong giây phút ngắn hai chị em chia tay nhau. Diễm như bị xô xuống khỏi con tàu...

Xa xa, sân ga Bình Triệu dưới những ngọn đèn vàng vọt không đủ sáng, cảnh tượng vô cùng hỗn độn. Người đi, kẻ lại, người mang, kẻ vác... xô đẩy, chen lấn nhau. Tiếng la hét, tiếng gọi nhau í ới trên một khoảnh đất gồ ghề, tăm tối. Tôi cũng vừa từ đám đông đó lên đây. Bọn cán bộ nhà nước được lên tàu trước từ ga Phạm Ngũ Lão, trên những toa riêng hoặc những toa có giường nằm...

”Thật may, nếu không có Diễm đi tin thì làm sao mình còn đủ hành lý!” Lần đầu tiên tôi thấy Diễm khỏe quá! Hai tay hai túi xách nặng, cồng kềnh, chen đám đông phăng phăng mở lối cho tôi lên tàu. Bọn cướp giật trà trộn giựt xách tay, rạch ví, móc túi. Tiếng la thất thanh. tiếng chửi thề. Tiếng khóc, tiếng gọi nhau... tất cả tạo thành một âm thanh hỗn loạn. Thần kinh tôi như muốn đứt ra. Hai chị em chỉ kịp bám lấy song sắt của toa tàu là đã như có người đẩy lên rồi. “Kìa! Nó giựt đồng hồ của tôi!” “Trời ơi! Ví của tôi đâu mất rồi!” Mặc kệ. mạnh ai nấy chen. Chân tôi bị dẫm lên đau điếng. Áo quần tôi tả tơi, xốc xếch, đầu tóc rối bời.
Giờ đây, tôi ngồi trên tàu, dưới kia cảnh tượng vẫn đang tiếp diễn...
Tiếng còi hú vang báo hiệu sắp đến giờ khởi hành. Tiếng còi dài văng vẳng trong đêm tối. Ngày xưa còn bé, tôi đã từng được học những bài văn tả cảnh sân ga. Niềm vui sum họp, nỗi buồn chia ly. Tiếng còi tàu lanh lảnh âm vang trong lòng tùy theo tâm trạng của mỗi người. Lòng tôi hôm nay, tiếng còn nghe ghê rợn quá! Như tiếng rú, tiếng thét đe dọa những con người thất thế - như tôi - một thân một mình đi thăm nuôi chồng “học tập cải tạo” tại một nơi rừng sâu, nước độc tận cùng miền Bắc.
Không có một bóng người đứng trên thềm ga đưa tiễn. Không có một ngọn đèn vàng lẻ bóng hắt hiu, như tiếng hát của nữ ca sĩ Thanh Thúy u buồn ngày nào trong một ca khúc tễin đưa nào đó... Xa rồi, chỉ có hàng ngàn con người lam lũ, hối hả, vội vàng trên sân ga giành giựt tranh nhau từng miếng cơm sạn mốc, từng manh áo rách.
”Giấy tờ đâu? Mở túi này ra!” Giọng hách dịch của tên kiểm soát. Rồi những khuôn mặt lạnh lùng của toán công an kinh tế phía sau. Một tên nghênh ngang cầm đèn pin, bất kể rọi vào cả mắt hành khách. Một tên cầm chiếc gậy ngắn, xấc xược thọc thọc vào hành lý của khách... Đến lượt tôi: “Giáo viên. Về Bắc nghỉ hè à? A, đi thăm nuôi chồng học tập cải tạo. Thăm nuôi tù thì nói mẹ nó ra đi. Học tập học tiếc cái nỗi gì với cái bọn ngụy ác ôn đó. Thôi, khỏi xét.” Lẽ dĩ nhiên, xét làm gì ba cái đồ lương thực. Họ muốn bắt những con buôn. Tôi cố nén tức giận, tủi hờn, mừng rỡ nhận lại tờ giấy phép, không có tờ giấy này tôi không thể vượt qua mọi cửa ải từ Nam ra Bắc. Chạy chọt hàng bao nhiêu nơi, chờ đợi hàng bao nhiêu ngày, tôi mới có được mảnh giấy đen thui này đây.
Họ di chuyển xuống hàng ghế dưới, tiếp tục hạch sách, lục lọi. Và hành khách tiếp tục năn nỉ, van xin. Hàng hóa nào có nhiều nhặn gì cho cam! Chục mét vải. Dăm gói bột ngọt. Rổ rá nhựa, xô xách nước, bình nước mắm... Vậy mà có người vẫn khóc ngất khi bị tịch thu. Nồi cơm độn mì, độn khoai tay chỉ mong vào tiền lời nhỏ nhoi đã mất cả rồi.
Tiếng máy xình xịch. tiếng còi tàu rú lên từng hồi như thúc giục, như đồng lõa với những việc làm sai trái trên con tàu mang tên Thống Nhất Bắc Nam.
Bên ngoài trời tối, không một ánh sao. Sương khuya lạnh buốt. Vài con đom đóm lập lòe. Chung quanh tôi, mọi người đều đã nằm ngủ la liệt. Người trải miếng ni-lông dưới chân ghế chật hẹp, người nằm ngả nghiêng trên đồ đạc, ngổn ngang chật cả lối đi. Võng mắc chi chít. Tiếng ngáy, tiếng thở mệt nhọc vang lên. Tôi mệt mỏi tựa đầu vào thành ghế gỗ. Có lẽ chỉ còn có một mình tôi thao thức nên thấy đường dài. Nhớ mẹ, nhớ con, nhớ nhà.
Thế là tôi đã phải xa nhà, xa những người thân yêu, vượt mấy ngàn cây số, đi đến một nơi xa lạ. Làm sao tránh khỏi lo âu? “Thân gái dặm trường”, lời nói người xưa thật đúng tâm trạng của tôi bây giờ.
Cũng trên quãng đường này, trong toa xe lửa của một thời xa lắc - thuở còn đi học - ánh mắt long lanh, giọng cười ròn rã reo vui suốt cuộc hành trình. Trại hè Nha Trang. trại hè Thống Nhất Huế. Trại hè sinh viên Huế-Saigon Đà Lạt. Mỗi mùa hè là một mùa tưng bừng hứa hẹn. Còn đâu nữa những tiếng cười khúc khích, tinh nghịch của các bạn tôi trong những đêm không ngủ? Các bạn học cũ của tôi, giờ phiêu bạt nơi đâu? Phạm Hữu Lộc, Bùi Thức Phước, Nguyễn Long Hải, Duy Trác... trong những trại tập trung cải tạo của Cộng Sản. Ấu Oanh, Hoàng Oanh, Ngọc Diệp, Kim Oanh... bán đứng buôn chạy quần áo cũ, thuốc tây. Hồng Thủy, Hồng Hảo, Ngọc Tâm, Hương Kiều Loan... ngàn trùng cách biệt.
Tôi cố quên đi những gương mặt đang say men chiến thắng Nguyễn Đắc Xuân, Cao Thị Quế Hương, Kim Tuyến. Tôi ngậm ngùi thương tiếc Lê Hữu Bôi, bị thảm sát trong biến cố Tết Mậu Thân 1968 tại Huế. Bốn năm “giải phóng miền Nam” rồi, bốn năm quay cuồng, vật lộn với cuốc sống mới, có bao giờ được một vài phút suy tư?
Qua mỗi lần tàu ghé một sân ga, bất kể ngày đêm, hàng hóa rỡ xuống, chất lên nhanh chóng gọn nhẹ. Bọn chỉ huy đoàn tàu kết hợp cùng bọn công an kinh tế buôn bán thì còn sợ gì ai xét. Trong khi những người dân, hàng chỉ có một chút xíu thôi mà vẫn bị dòm ngó, hoạch họe đủ điều.
Những giỏ soài Nha Trang của vợ chồng chú bộ đội ngồi trước mặt tôi đã biến mất. Những giỏ soài treo toòng teng trên đầu, những giỏ soài la liệt dưới sàn tàu đều trống trơn. Càng đi xa hơn thì hành lý trên tàu càng vơi nên hành khách còn có lối đi. Hành khách buôn dọc đường. Xã hội chủ nghĩa cấm buôn bán cá thể mà hầu như cả nước đều buôn. Cán bộ công nhân viên mua được nửa ký đường, lon sữa, mươi gam bột ngọt mỗi tháng đều mang ra chợ bán cho người buôn, kiếm chút tiền bù đắp vào đồng lương ít ỏi. Cũng nhờ đó mà tôi mới mua được những thực phẩm thăm nuôi chồng. Tôi thở dài ngao ngán cho kiếp sống đói nghèo.
Tàu càng rời xa miền Nam, làng mạc càng hiu hắt. Bốn năm tiến nhanh, tiến mạnh lên chủ nghĩa xã hội là đây? Đồng ruộng khô cằn, xóm làng xơ xác. Con tàu đưa tôi vượt qua vĩ tuyến 17, tới miền Trung “ôi, quê hương xứ dân gầy” của nhạc sĩ Phạm Duy. Dân không chân lấm tay bùn - vì đồng ruộng bỏ hoang - mà sao đen đủi. Gương mặt ngơ ngơ ngẩn ngẩn, đứng trước những thau nước chờ khách trên tàu xuống mua rửa mặt, rửa chân.
Một bà cụ lưng còng xuống, manh áo vá không đủ che thân, xách ấm nước đi bán rong. Đường tàu mỗi lúc một xấu, nhất là Thanh Hóa. Con tàu tròng tranh nghiêng ngả. Đồ đạc rơi đổ cả vào người.
Làng quê miền Bắc kia sao? Tôi ngỡ mình đang nằm mơ. Bởi hiện thực quá phũ phàng.
“Việt Nam đất nước ta ơi,
Mênh mông biển lúa đâu trời đẹp hơn...”
Miền Bắc hai mươi năm xây dựng xã hội chủ nghĩa, nhân dân đi vào con đường làm ăn tập thể. Đồng ruộng xóa mờ ranh giới, bao la bát ngát thẳng cánh cò bay... Chỉ là hình ảnh tưởng tượng của cán bộ vẽ ra, khi tuyên truyền, khoác lác với dân miền Nam. Trước mắt tôi... đồng khô, nắng cháy. Xa xa xóm làng hoang vắng. Quán nước bên đường che bằng một mái tranh cũ nát, chiếc chõng tre lỏng chỏng một vài món quà lặt vặt: viên kẹo bột vàng, trái chuối thâm đen. Điếu cầy tre, ấm nước, ly trà cũ bẩn... Mỗi lần tàu ngừng, hành khách tranh nhau mua từng bát cơm khô cứng, lèo tèo một ít rau xào...
Tôi đến Ga Hàng Cỏ - Hà Nội sau ba ngày, ba đêm trên tàu như một người bị tra tấn. Rã rời, mệt mỏi. Hà Nội hiện ra trong mắt tôi với tất cả sự nghèo nàn, lạc hậu. Đèn đường vàng vọt. Trong nhà, ánh điện lù mù nhưng tôi vẫn nhìn thấy nhà nhà ngồi quanh mâm cơm để dưới đất. Đó là hình ảnh đầu tiên về Hà Nội.
Nhà anh chị tôi ở tầng thứ tư của một khu nhà tập thể vùng Kim Liên. Chỉ là một phòng nhỏ hai mươi mét vuông. Độc nhất một cái giường cũ mọt dành cho bố mẹ và đứa con út còn bé. Hai đứa con lớn học đại học nằm dưới đất. Kệ sách vở đụng trần nhà. Dưới gầm giường lỉnh kỉnh bát chén, nồi niêu, xô nước. Gia đình anh chị tôi điển hình cho giới trí thức Hà Nội: chồng, cán bộ nghiên cứu khoa học, vợ bác sĩ. Tôi rùng mình lo sợ tương lai.
Hà Nội với những con đường nhỏ hẹp, đầy ổ gà, bụi bậm. Hà Nội với nhà cửa cũ nát, xiêu vẹo. Hà Nội với con người nhâng nhâng, nháo nháo, chửi thề nói tục. Không phải một thủ đô văn minh lịch sự như theo lời những cái máy nói đã mạt sát Sàigon, ca tụng Hà Nội - mà trong những buổi học tập chính trị ròng rã qua năm tháng, chúng tôi đã phải nghe. Hà Nội trong ký ức tôi, trong thơ, trong nhạc... chỉ là hư ảo.
Lên ga Bình Triệu, xuống ga Hàng Cỏ: kinh hoàng. Tiếp tục cuộc hành trình, tôi đáp tàu đi Vĩnh Phú. Ga nhỏ, người đông. Mùi hôi thối dưới đất, mùi mồ hôi nồng nặc trong ánh nắng hè gay gắt. Tôi muốn nôn oẹ. Lại bị hạch sách, nạt nộ khi làm thủ tục để được lên tàu. Lại chen lấn, xô đẩy. Tôi chạy mãi tìm cửa lên tàu. Toa nào cũng chật cứng người. Cuối cùng chỉ còn giành được một chỗ đứng ở cuối nơi toa tàu nối nhau. Khi con tàu ra khỏi thành phố, một số thanh niên leo lên nóc, tôi mới có một chỗ để ngồi bó gối.
”Ban nãy tao leo lên toa chở lợn, gà. Bị đuổi xuống.”
”Xã hội này là súc vật sướng hơn!”
Tôi nghe tuổi trẻ miền Bắc nói chuyện như thế.
Gió thổi mát lạnh. Trời vần vũ cơn mưa. Cứ ngồi như thế này cho đến tối hay sao? Thế rồi sức chịu đựng của tôi vẫn vượt qua những trận mưa trời làm ướt sũng toàn thân, những trận mưa than từ ống khói tàu nhả xuống. Cũng may là than đá, nếu không biết bao nhiêu hành khách kém may mắn không được ngồi trong toa như tôi sẽ bị nhuộm đen như thế nào?
Con tàu nặng nề đi qua những cánh rừng cọ xác xơ, những đồi chè cằn cỗi thưa thớt dưới cơn nắng cháy.
“Đẹp vô cùng Tổ Quốc ta ơi,
Rừng cọ, đồi chè, đồng xanh ngào ngạt
Nắng chói sông Lô, hò ô tiếng hát
Chuyến phà dào dạt bến nước Bình Ca...”
Tôi không hiểu sao Tố Hữu lại có thể làm được những câu thơ với những hình ảnh tươi đẹp như thế?
Ga Ấm Thượng là trạm cuối cùng tôi xuống. Nơi đây chỉ là một túp lều tranh vách nát giữa vùng đất đìu hiu của miền thượng du Bắc Việt. Bốn bề hiu hắt, vắng vẻ. Trời chập choạng tối. Ánh đèn dầu leo lắt run rẩy như muốn tắtlàm tăng thêm vẻ hoang vu.
Tôi sẽ ở lại đây một đêm.
Sau một ngày dài ngồi bó gối trên tàu, tôi muốn ngả lưng trên chiếc giường tre ọp ẹp có trải manh chiếu nát. Những con rệp lâu ngày bị đói rủ nhau ra tung hoành làm tôi phải bật dậy suốt đêm. Sáng sớm đã có tiếng xì xầm ở bên ngoài. Dân quanh vùng lén mang chuối, gạo, gà... bán cho những người thăm nuôi tù. Họ giành nhau để được tên cán bộ nhà ga phân phối khuân vác từng thùng lương thực xuống thuyền để lấy tiền công.
Sang đò ngang, lại chuyển đò dọc. Tiền khuân vác, tiền chuyên chở, bao nhiêu cũng phải trả.
Con thuyền cũ chòng chành vì nặng hành lý. Khách trên thuyền chỉ có khoảng năm người. Từ Saigon hay từ các tỉnh miền Nam đi thăm nuôi. Thuyền không có mái. Hơi nóng từ trên trời giội xuống, từ dưới nước bốc lên. Tôi như muốn ngất lịm đi vì say sóng. Đây là con sông Lô trong nhạc Văn Cao. Không có tiếng hò, tiếng hát trên sông. Chỉ có tiếng mái chèo đập nước, tiếng sóng vỗ ì oạp vào mạn thuyền. Hai bên bờ sông, chỉ toàn là cây dại. Hoàn toàn im lặng.
Khi mặt trời đứng bóng, thuyền cập bến đò Ngọc. Trái với tên bến Ngọc, bến đò này toàn sỏi đá lởm chởm. Từ bờ sông lên tới đường đi, chúng tôi phải trèo lên từng phiến đá sắc cạnh. Phụ nhau kéo đồ đạc lên rồi ngồi chờ xe trâu tới thuê chở chuyển đồ vào trại.
Tôi ngồi tựa lưng vào một gốc cây khô. Bên kia sông, không một mái nhà. Cỏ cây chằng chịt. Phía sau lưng, hoang vắng. Một lối đi nhỏ mất hút sau rặng cây rậm rạp. Đứa bé trai khoảng trên mười tuổi, không biết từ đâu xuất hiện. Chiếc quần ngắn cũ chắp vá đủ màu bọc ngoài đôi chân gầy guộc. Lấm lét nhìn chung quanh, nó đến gần chúng tôi, khẽ nói:
”Cho nhà cháu vác vào trại nhá! Tiền công rẻ hơn xe trâu.”
”Trại có gần đây không hả cháu? Đi chừng bao lâu? ...”
Chợt thằng bé chạy vụt vào lùm cây.
”Này, chị kia, nói chuyện gì với nó thế?”
Tên công an, mặt non choẹt, vác súng đi tới: “Gia đình nhà đó “nà” bọn “nười” lao động. Không chịu sản xuất, chỉ định “nàm” thuê.”
Đưa đôi mắt nhìn khắp lượt có vẻ đe dọa, hắn hất hàm nói tiếp: “Đợi đấy. Sẽ có xe của Hợp tác xã phục vụ. Ai không tuân lệnh, cúp thăm nuôi.”
”Việt Nam tham dự Thế Vận Hội mang về ba cúp: Cúp điện, cúp nước, cúp lương thực. Giờ đây lại sắp lãnh thêm một cái cúp nữa.” Tiếng thì thầm, rúc rích của hai thanh niên đi cùng chuyến.
Tiếng lọc cọc từ xa mỗi lúc một gần. Xe trâu đến. Những mảnh cây ngang dọc sơ sài đóng vào nhau. Bốn bánh xe đẽo bằng gỗ. Sợi dây thừng lớn nối từ cổ xe vào mình một con trâu già. Cán bộ hợp tác xã nhảy xuống khỏi xe. Chúng mời nhau điếu thuốc lá Thủ Đô. Lương thực được chúng tôi khuân chất lên xe. Bao nhiêu thùng là bấy nhiêu tiền. Thùng to, nhỏ giá chở khác nhau. Tên cán bộ ngồi trên một thùng đồ vững vàng nhất. Chiếc roi mây quất nhẹ vào mình trâu để con trâu bước đi. Ngươì thăm nuôi lẽo đẽo đi bộ theo sau. Trời nắng. Đường gồ ghề những đá. Người và vật lê bước nặng nhọc. Đi, đi mãi... Sâu tít vào rừng. Đường vòng vèo tưởng như không có lối ra. Qua những con suối cạn, ì ạch mãi chúng tôi mới đẩy được xe qua. Tên cán bộ ngừng lại cho con trâu nghỉ mệt. Dãi nhớt đầy miệng, trâu thở phì phò. Tội nghiệp cho cả trâu. Tội nghiệp cho cả người thăm nuôi. Cổ tôi khô. Đầu nhức như búa bổ. Tôi ngồi vật xuống cỏ...
Trời đã xế chiều, ánh nắng nhạt dần. Người và vật vẫn tiếp tục cuộc hành trình trong yên lặng. Có tiếng lá khô vỡ vụn. Không phải tiếng xào xạc của lá cây rơi rụng. Không phải tiếng chân chạy của thú rừng.
Cặp mắt tôi như sáng lên. Một toán người bẻ lá đi ra. Có người thân quen không nhỉ? Bộ quân phục của binh chủng thủy quân lục chiến dù phai màu theo năm tháng, dù bị rách vá bởi kiếp đọa đầy, vẫn không làm mất đi vẻ thông minh sáng sủa của những người tù. Vai vác cuốc, tay cầm xẻng, bi đông nước lủng lẳng thắt lưng, các anh nhìn chúng tôi với ánh mắt cảm thông, chia sẻ.
Tên công an thấp bé ôm súng chạy xộc lên phía trước. Tôi đi sát bờ cỏ, len lén rắc kẹo lên lối đi. Những mảnh giấy cuộn tròn thật nhỏ vội vàng chuyền tay. Lời nhắn gửi của các anh gửi về Saigon.
Quãng đường rộng hơn, bằng phẳng. Đó đây, thấp thoáng mái nhà. Tôi gặp Ngô Kim Thái, bạn học cũ Trưng Vương đi trở ra. Chúng tôi chỉ kịp chào hỏi nhau vài ba câu. Sắp tới K5. “K1 hả? Còn đi lâu lắm...”
Xe trâu mỗi lúc một nhẹ hơn khi ghé qua một K. Tôi là người cuối cùng, đi vào K có con số nhỏ nhất. Lố nhố vài người đến trước đứng trên thềm. Mọi người nhanh nhẹn phụ giúp chuyển đồ trong khi tôi trả tiền xe.
Xếp đồ vào phòng qui định, tôi chỉ kịp nhận giường chiếu là buông mình nằm mê mệt.
”Chị! Dậy đi chị! Không trình giấy, ngày mai làm sao được gặp?”
Nghe đến giấy tờ, tôi bật người lên. Quên cả nhức đầu. Tú, người lay gọi tôi, có gương mặt trái soan, còn rất trẻ. Tú đi chuyến tàu đêm, đến đây từ sáng.
”Phòng tắm ở đâu?”
”Phòng tắm hả?” Tú cười chỉ về hướng sau nhà.
”Mấy tấm phên che không kín. Có còn hơn không. Nhưng nước bẩn lắm. Phải xuống tít dưới kia lấy nước ở suối. Em có mua được một cái xô. Cho chị mượn đó.” Tôi cảm ơn người bạn mới.
”Trước anh làm gì?”
”Chiến tranh chính trị.”
”Cấp bậc?”
”Trung tá. Chức vụ luôn nhé! Tham Mưu Trưởng trường Đại Học Chiến Tranh Chính Trị Đà Lạt.”
”Chết, chức to quá! Chồng em cũng chiến tranh chính trị. Cấp úy nhỏ nhất thôi. Mà chị ơi, đúng rồi! Chính trị tội nặng nhất. Họ gọi là thành phần ác ôn, tập trung tại K1. Không biết họ nhốt mấy ổng có gần đây không nhỉ?” Tú thì thầm. “Họ cấm không cho người thăm nuôi ra khỏi khu này, cho nên... em chẳng biết gì hơn.”
Tôi nhìn quanh, Vẫn cỏ cây chằng chịt. Chỉ có hàng rào chung quanh khu tiếp tân này là được cắt xén cẩn thận, ngay ngắn. Ngôi nhà ba gian. Tường cây, mái bằng lá cỏ khô, nền đất. Hai gian dành cho thân nhân. Khoảng sân nhỏ với những bồn hoa, luống cây cảnh xếp bằng sỏi đá đơn sơ. Khung cảnh nơi đây chắc chắn phải có bàn tay của những người tù. Lòng tôi chùng xuống. Ngậm ngùi. Phía xa là nhà bếp. Trong ánh lửa bập bùng, thấp thoáng bóng người mẹ già, người vợ trẻ lui cui đun nấu thức ăn tươi cho ngày mai. Thịt gà kho gừng, thịt bằm ớt rang khô. Bát canh rau, thịt kho trứng... Những món ăn quen thuộc như chìm vào quên lãng - vì bên ngoài cũng thiếu thốn, có được ăn đâu?
”Chị có nhìn thấy những cây nhang cắm trên cành cây phía đằng kia không? Của một bà phòng bên cạnh. Ổng chết lâu rồi.”
Tôi lạnh người. Sáng nay mới biết. Dã man. Để người ta lặn lội ra đây?
Đêm xuống. Bao trùm núi rừng. Tôi thao thức không ngủ. Lo lắng. Chỉ mong trời sáng. Cuối cùng tôi cũng thiếp đi được một chút để rồi được đánh thức bởi tiếng khua động của mọi người chung quanh.
Giây phút chờ đợi như kéo dài. Hơn tám giờ, hai tên công an ôm giấy tờ đến, lững thững trong khi mọi người nôn nóng. Gọi tên ai, người đó mới được vào phòng đợi.
”Con chị tên gì?”
Kỳ quá! Hôm qua đã ghi rồi mà. Người đàn bà ấy đã đứng tuổi, đi cùng chuyến đò với tôi. Tên công an thì chưa đến hai mươi tuổi. Bà đáng tuổi bà, tuổi mẹ hắn.
”Thưa ông...”
”Này, chị phải bỏ ngay cái giọng quan niêu phong kiến ấy đi nhá!”
Giọng rụt rè: “Thưa anh...”
”Ai anh em gì với cái nhà chị?”
Tiếng nói cất lên như một tiếng thở dài:
”Thế bây giờ tôi phải gọi như thế nào đây?”
”Gọi nà cán bộ. Báo cáo cán bộ. Biết chưa?”
Lần lượt mỗi người vào như bị hỏi cung. Mỗi người bị tên công an vặn vẹo, nạt nộ. Gian phòng nhỏ hẹp, chỉ đủ kê một cái bàn nhỏ ở góc cửa ra vào, tên công an ngồi làm cái việc hỏi cung. Một cái bàn dài, rộng kê ở giữa. Thân nhân ngồi một dãy. Phía bàn đối diện dành cho tù nhân. Vị trí của mỗi người tùy theo sự sắp xếp của công an.
Và giây phút chờ mong đã đến. Người thân của chúng tôi đã được giải tới. Mọi người trong phòng nhốn nháo. Người ngồi bên trong đứng lên để được nhìn rõ hơn. Những người tù thong dong bước tới mỗi lúc một gần. Quần áo mang trên người còn nguyên nếp gấp. Quần áo mang theo, nhưng lần này sao rộng thùng thình như đi mượn. Cặp mắt ai cũng sáng lên khi nhận ra người thân yêu.
Tên công an áp giải bắt xếp hàng ở dưới sân. Hắn hất hàm cho từng người vào. Hơn bốn năm xa cách, chúng tôi nhận ra ngay những nét thay đổi của nhau. Thời gian và khổ cực. Cuộc sống bên ngoài cũng chẳng mấy tự do. Khóc thì sẽ bị đuổi ra. Nhưng những giọt nước mắt vẫn lặng lẽ rơi.
Năm phút. Mười phút. Thời gian trôi nhanh. Gần hết giờ thăm. Những câu hỏi, câu trả lời lạc lõng. Toàn những chuyện đã viết trong thư. Đôi mắt tên công an gườm gườm. Mấy cái gai nhọn lúc nào cũng muốn đâm vào da thịt.
Đi suốt cả chiều dài đất nước để có được mười lăm phút gặp nhau. Quà sắp lên xe trâu. Tôi nhìn theo chồng đứng vào hàng để giải về. Chúng tôi theo ra cổng, nhưng chỉ được đứng bên hàng giậu nhìn theo cho đến khi toán người đã khuất vào lùm cây.

“Cùng trông lại mà cũng chẳng thấy
Thấy xanh xanh những mấy ngàn dâu
Ngàn dâu xanh ngắt một màu
Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai?”

Thuở còn đi học, nghe cô Tỉnh giảng Kiều say mê. Nhưng chỉ thích Chinh Phụ Ngâm, để rồi ngày nay phải mang nỗi buồn cô phụ. Tôi nuốt nước mắt nghẹn ngào. Bỗng dưng vạn vật mờ tất cả...

Trích từ tập hồi ký Lối Cũ Chẳng Sao Quên (The Trail I Never Forget)

Lời cuối: Cám ơn bạn đã theo dõi hết cuốn truyện.
Nguồn: http://vnthuquan.net
Phát hành: Nguyễn Kim Vỹ.

Nguồn: Internet
Được bạn: Thanh Vân đưa lên
vào ngày: 26 tháng 4 năm 2010